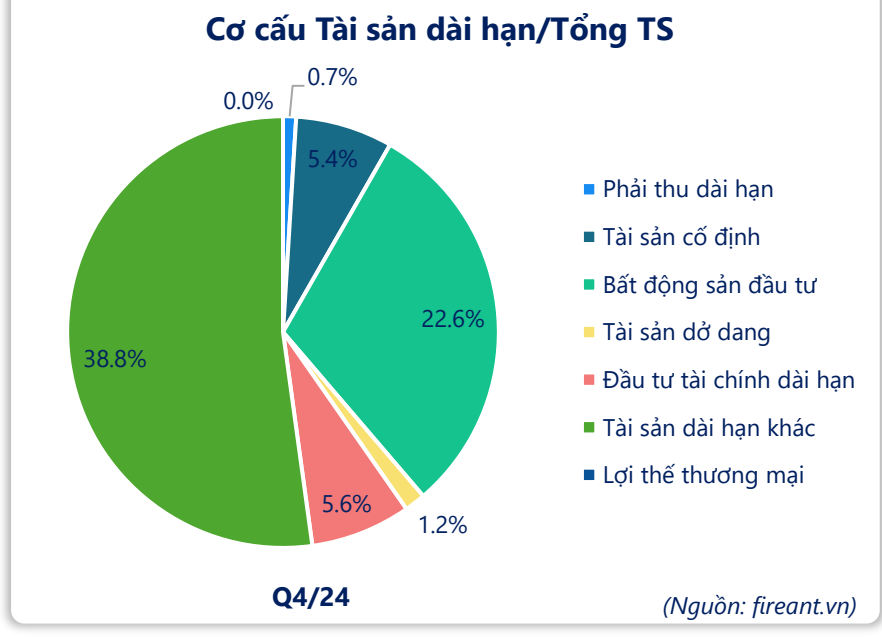
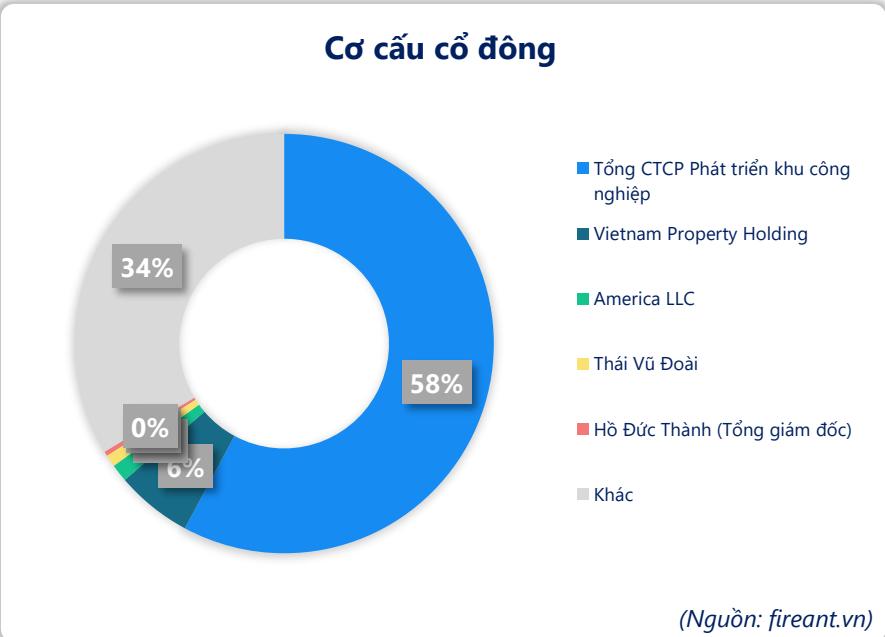
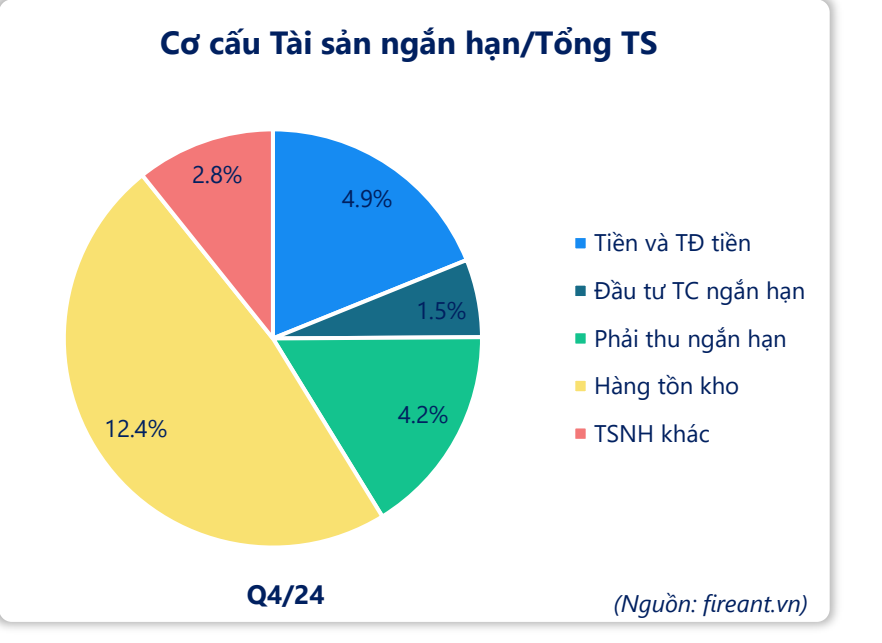
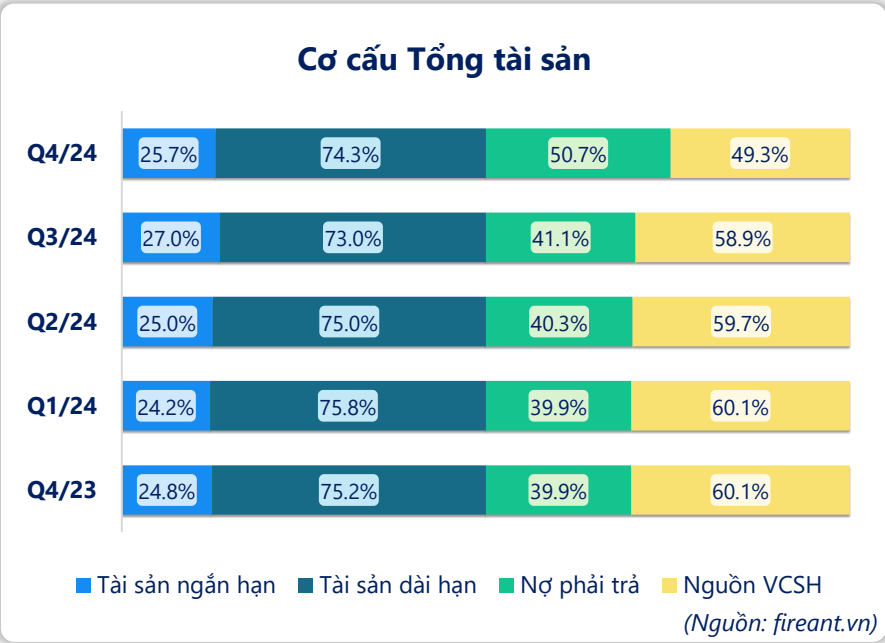
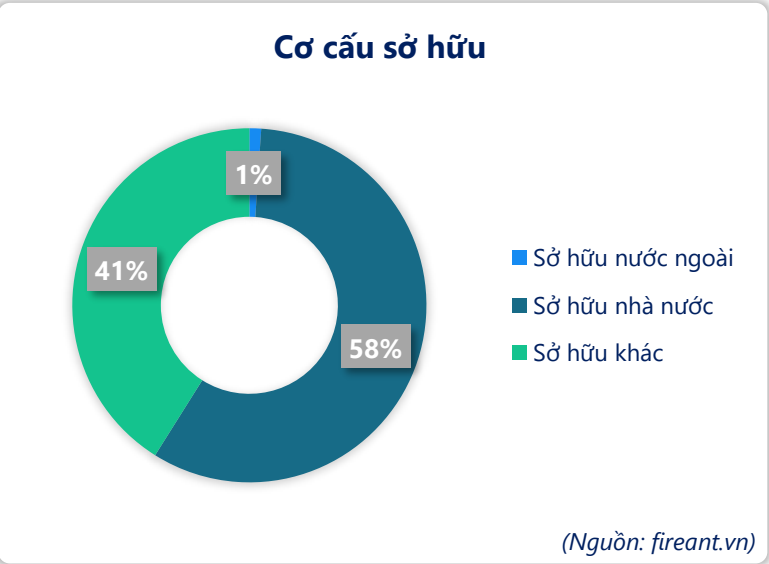
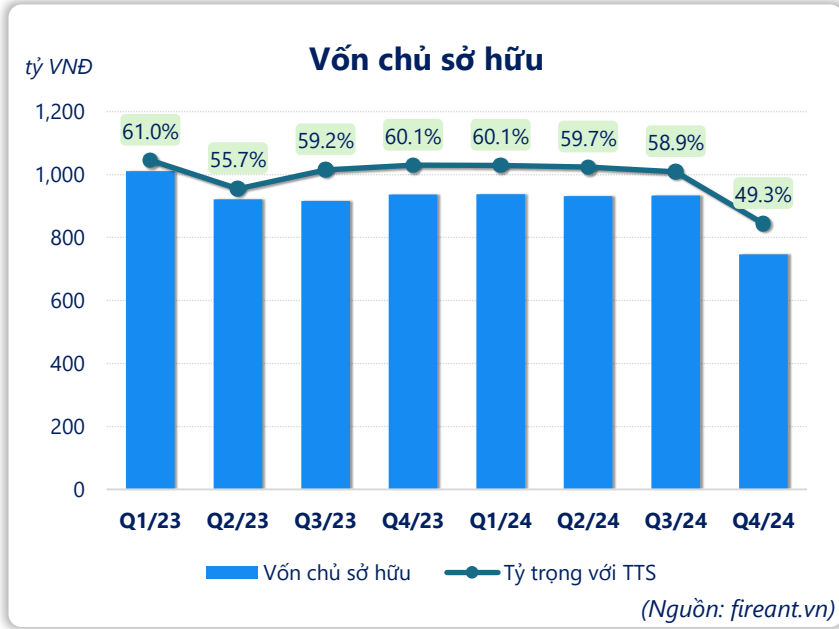
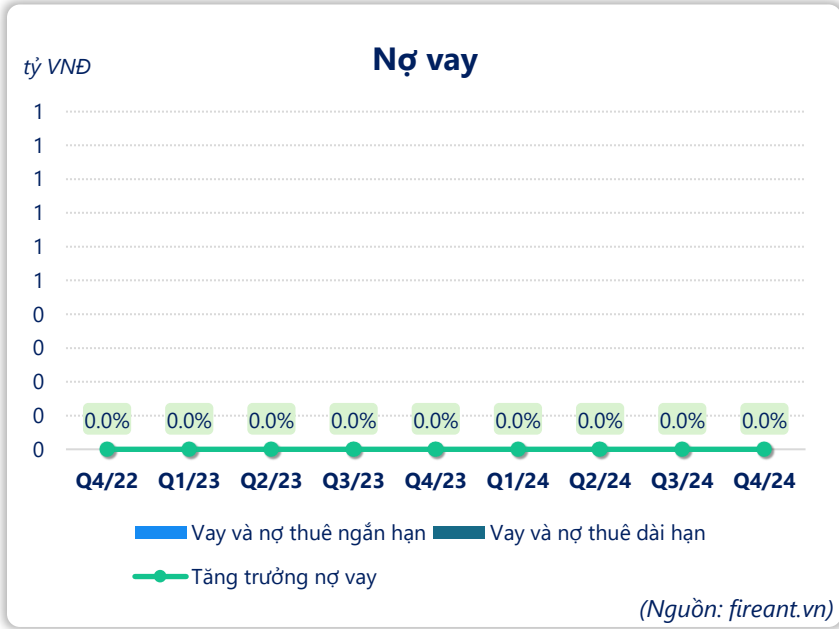
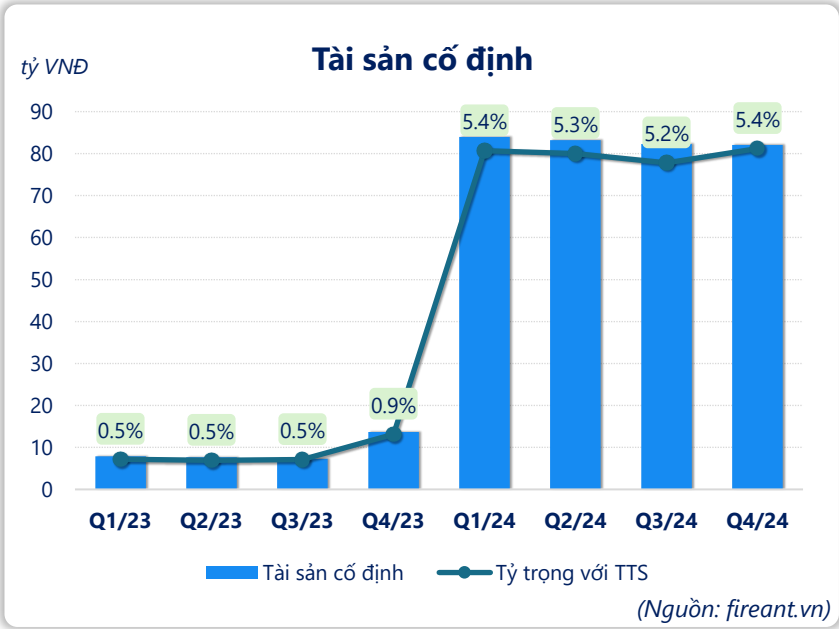
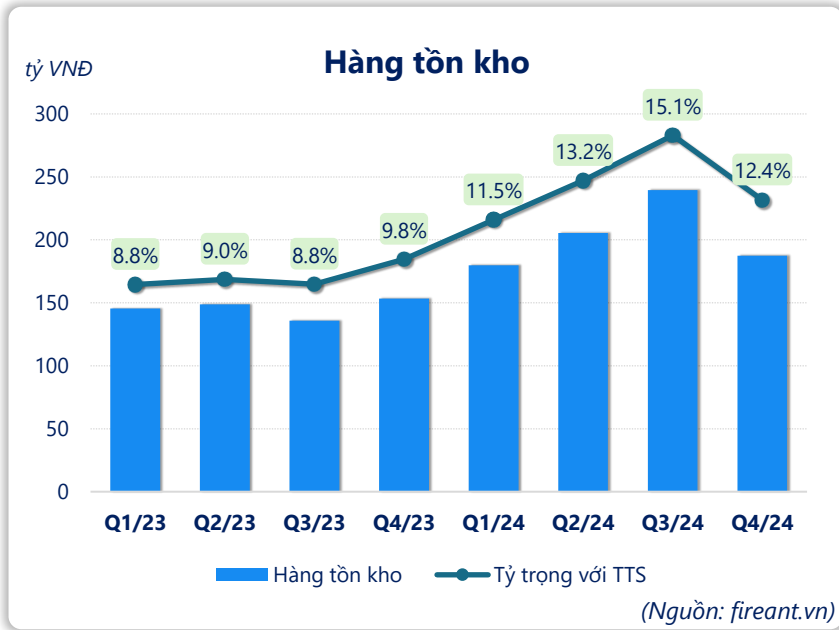
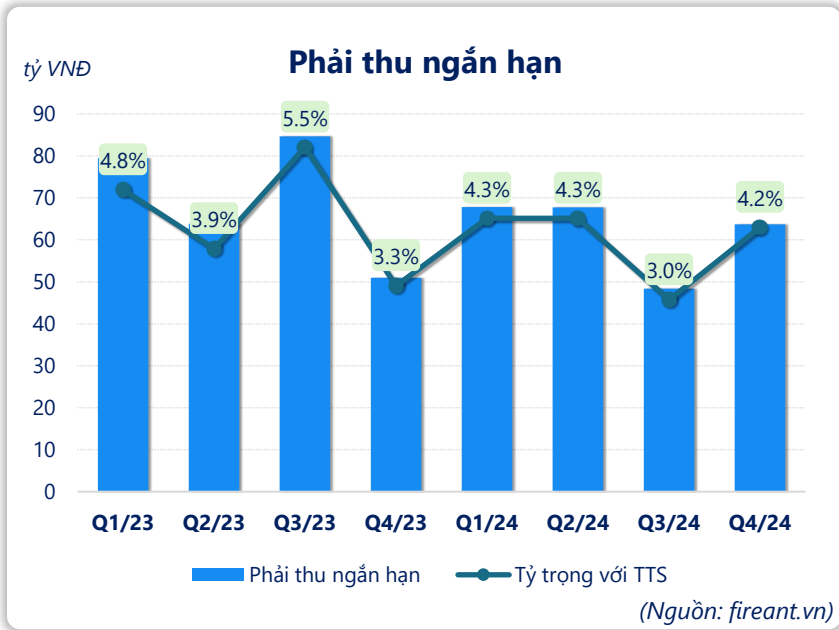
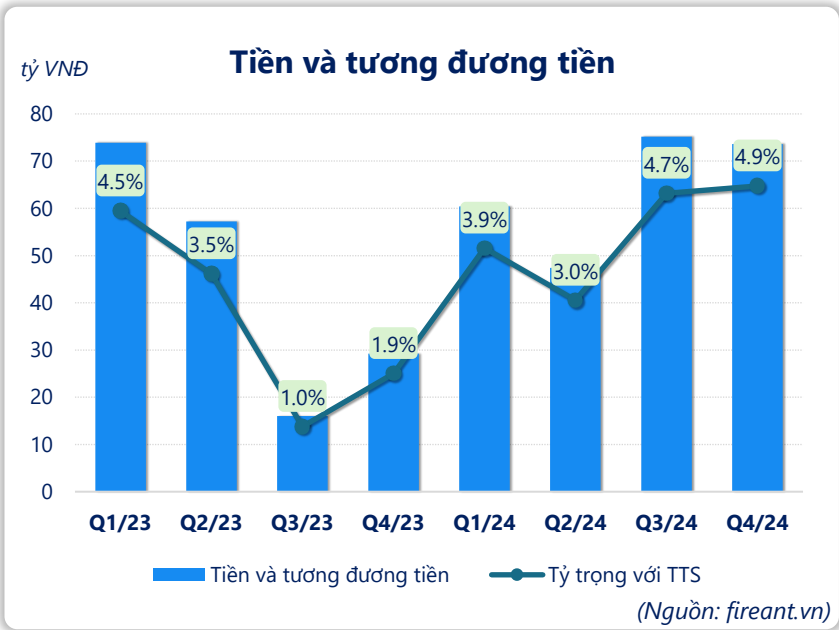
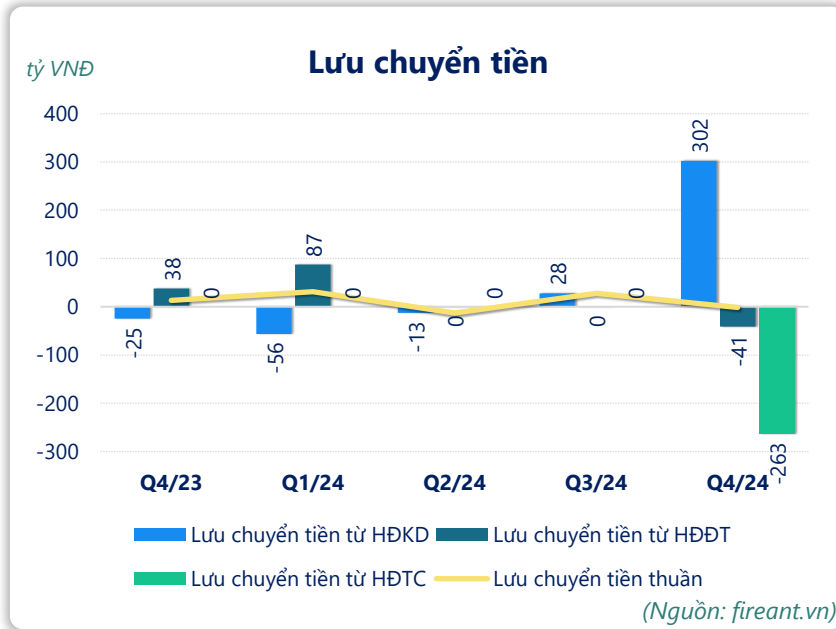
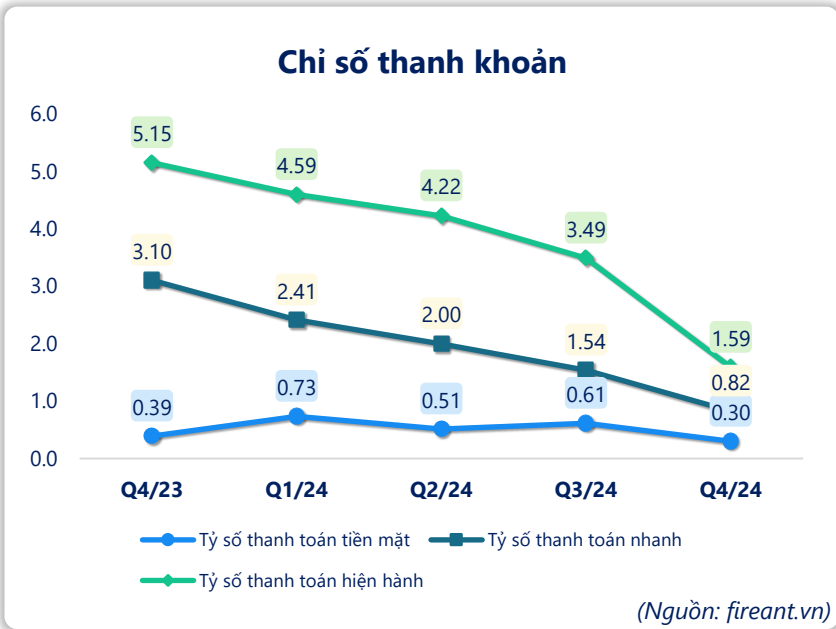
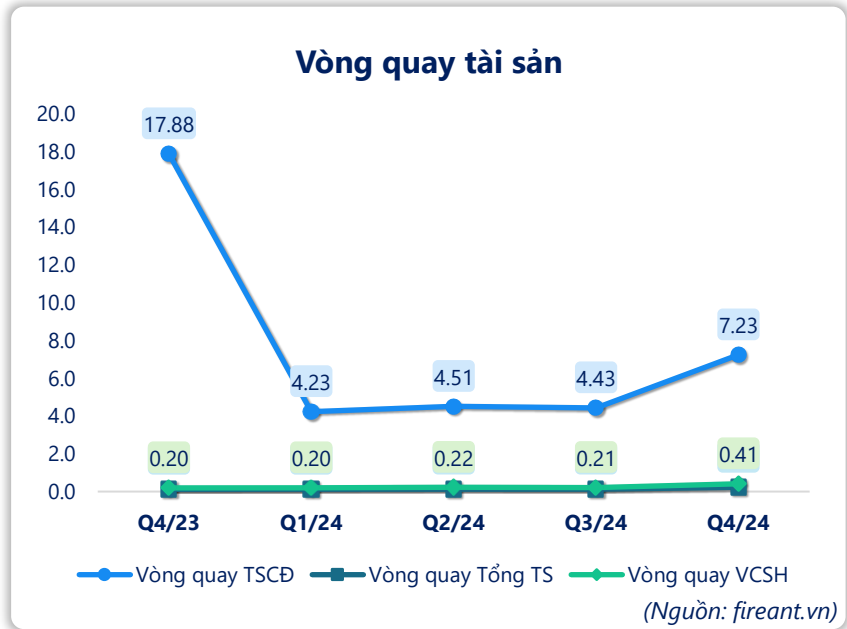
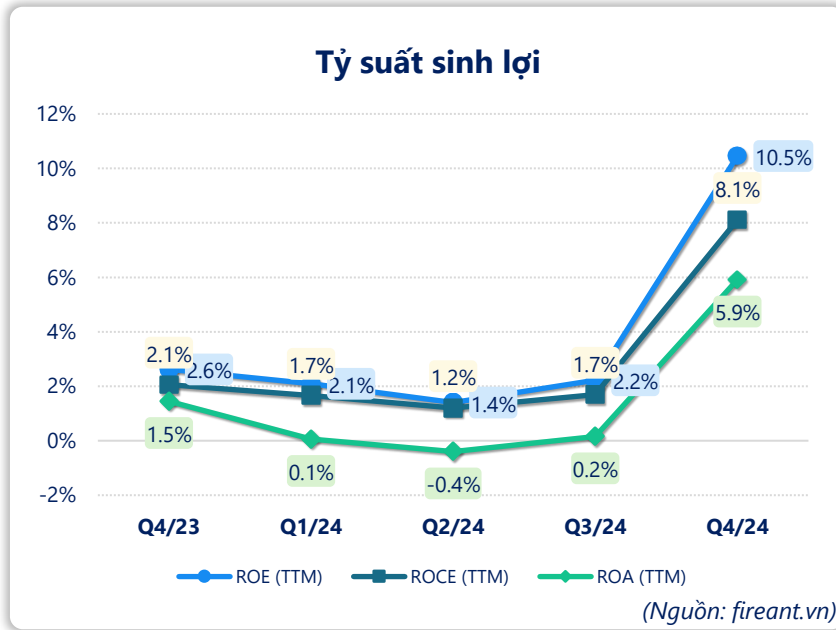
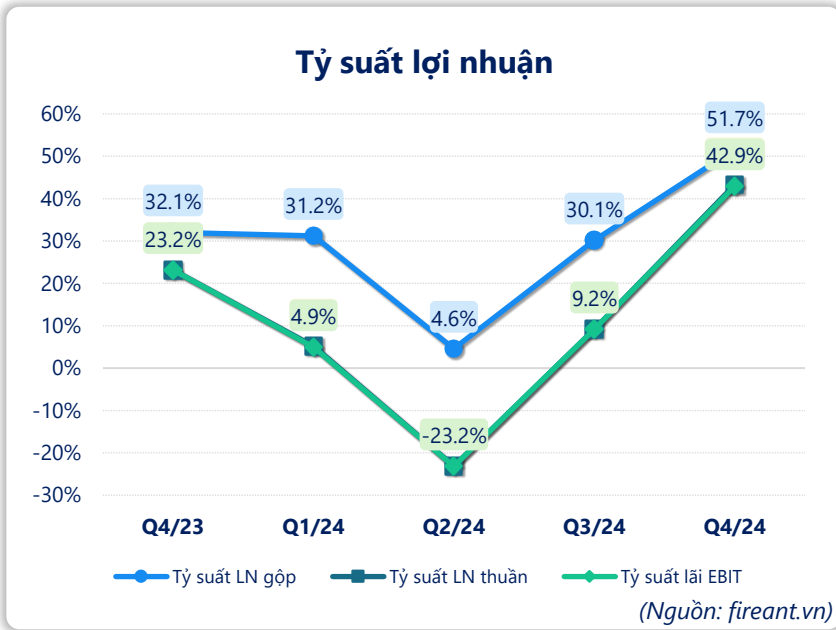
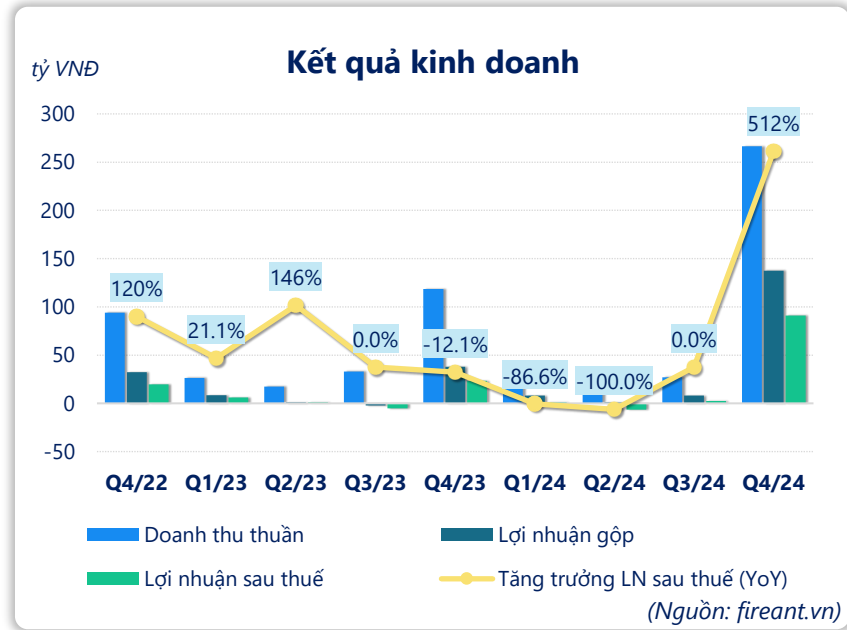


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		31,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		39,915
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		20,322
SL cổ phiếu LH		30,259,742
KLGD BQ 20 phiên (CP)		33,515
% sở hữu nước ngoài		1.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		959
P/E		10.9
EPS		2,907

	YTD	1T	3T	6T
D2D		-0.3%	-18.8%	-20.0%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	1,516	1,559	-2.7%
Tài sản ngắn hạn	390	386	1.1%
Tiền và tương đương tiền	73.6	29.2	152%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	23.5	90.0	-73.9%
Phải thu ngắn hạn	63.7	51.0	24.9%
Hàng tồn kho	187	153	22.1%
Tài sản ngắn hạn khác	41.9	62.3	-32.7%
Tài sản dài hạn	1,126	1,173	-4.0%
Phải thu dài hạn	11.1	11.1	0.0%
Tài sản cố định	82.1	13.7	501%
Bất động sản đầu tư	343	356	-3.6%
Tài sản dở dang	17.6	65.6	-73.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	84.7	83.7	1.2%
Tài sản dài hạn khác	588	643	-8.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	769	622	23.7%
Nợ ngắn hạn	246	74.6	230%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	12.0	5.26	129%
Nợ dài hạn	524	548	-4.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	747	937	-20.3%
Vốn chủ sở hữu	747	937	-20.3%
Vốn điều lệ	303	303	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	119	25.8	27.5	26.8	266
Giá vốn hàng bán	80.6	17.7	26.2	18.7	129
Lợi nhuận gộp	38.0	8.04	1.26	8.08	138
Doanh thu HĐTC	2.76	1.02	0.62	0.82	0.48
Chi phí TC	1.51	0	-0.10	0	0.11
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0.98
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	11.8	7.74	8.33	6.45	22.7
LN thuần từ HĐKD	27.4	1.33	-6.35	2.46	115
Lợi nhuận khác	0.02	-0.05	-0.01	0	-1.92
LN trước thuế	27.5	1.27	-6.36	2.46	113
Lợi nhuận sau thuế	23.5	0.97	-6.40	2.47	90.9
LNST của CĐ cty mẹ	23.5	0.97	-6.40	2.47	90.9

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-24.8	-56.2	-13.0	28.1	302
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	38.0	87.3	-0.02	-0.30	-41.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	-263
Tiền đầu kỳ	16.0	29.2	60.4	47.4	75.2
Lưu chuyển tiền thuần	13.2	31.2	-13.0	27.8	-1.56
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	29.2	60.4	47.4	75.2	73.6

(Nguồn: fireant.vn)